# Van đóng mở
# MS9-EE-G-V24-S-VS

Số bộ phận: 562940

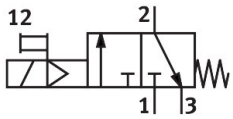


## Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---|---|
| Dòng | MS |
| Kích thước | 9 |
| Kích thước lưới | 90 mm |
| Cấu trúc xây dựng | thanh trượt pít tông |
| Kiểu vận hành | điện |
| Nguyên lý bít | mềm |
| Chức năng khí xả | không thể điều tiết |
| Nút ghi đè | khớp<br>quét |
| Kiểu cài đặt lại | lò xo cơ học |
| Kiểu điều khiển | điều khiển trước |
| Chức năng van | 3/2 đóng đơn ổn định |
| Áp suất vận hành | 3.5 bar...16 bar |
| Xếp chồng | gối chồng dương |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 18000 l/ph |
| Lưu lượng định mức thông thường 2-3 | 14100 l/ph |
| Thời gian bật | 100% |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây | 24 V DC: 4,5 W |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 2 - bị ăn mòn vừa phải |
| Ghi chú vật liệu | Tuân thủ RoHS |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364-B1/B2-L |
| Nhiệt độ trung bình | -10 °C...60 °C |
| Mức áp suất âm thanh | 93 dB(A) |
| Mức độ bảo vệ | IP65 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -10 °C...60 °C |
| Kiểu gắn | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý: |
| Vị trí lắp đặt | bất kì |
| trọng lượng sản phẩm | 2300 g |

| Đặc tính | Giá trị |
|---|---|
| Cổng nối khí nén 3 | G1 |
| Cổng nối điện | Dạng A<br>Phích cắm<br>theo DIN EN 175301-803<br>thiết kế vuông |
| Vật liệu con trượt pít tông | POM |
| Vật liệu của phớt | NBR |
| Vật liệu vỏ | Nhôm đúc áp lực |